

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án  
“Nhà máy sản xuất vải không dệt quy mô 81.150 tấn/năm; sản xuất bao bì  
từ plastic, màng nylon quy mô 50.000 tấn/năm; sản xuất, gia công hàng dệt may,  
gia công cắt, ép vải (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy) quy mô 69.120  
tấn/năm” do Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam làm Chủ đầu tư  
tại lô A17-C, A17-D, A17-E, KCN Becamex – Bình Phước,  
xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa  
đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành  
Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy  
định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động  
môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất vải không dệt quy mô 81.150 tấn/năm;  
sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon quy mô 50.000 tấn/năm; sản xuất, gia công  
hàng dệt may, gia công cắt, ép vải (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy) quy mô  
69.120 tấn/năm” họp ngày 19/11/2021 tại Ban Quản lý Khu kinh tế;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy  
sản xuất vải không dệt quy mô 81.150 tấn/năm; sản xuất bao bì từ plastic, màng  
nylon quy mô 50.000 tấn/năm; sản xuất, gia công hàng dệt may, gia công cắt, ép  
vải (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy) quy mô 69.120 tấn/năm” đã được chỉnh  
sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 01/CV-CVMT.BĐ.22 ngày 14/01/2022 của  
Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam;*

*Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 05/TTr-  
BQL ngày 27/01/2022.*





## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất vải không dệt quy mô 81.150 tấn/năm; sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon quy mô 50.000 tấn/năm; sản xuất, gia công hàng dệt may, gia công cắt, ép vải (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy) quy mô 69.120 tấn/năm” (sau đây gọi là Dự án) do Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam (sau đây gọi là Chủ dự án) làm Chủ đầu tư tại lô A17-C, A17-D, A17-E, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- UBND xã Minh Thành;
- Công ty CP PTHKT Becamex Bình Phước;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT (NN-2KKT<sub>27/1</sub>) 65

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*Huỳnh Anh Minh*



**Phụ lục**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
“NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI KHÔNG DỆT QUY MÔ 81.150 TẤN/NĂM;  
SẢN XUẤT BAO BÌ TỪ PLASTIC, MÀNG NYLON QUY MÔ 50.000  
TẤN/NĂM; SẢN XUẤT, GIA CÔNG HÀNG DỆT MAY, GIA CÔNG CẮT,  
ÉP VẢI (KHÔNG CÓ CÔNG ĐOẠN NHUỘM, GIẶT TẮY) QUY MÔ 69.120  
TẤN/NĂM” DO CÔNG TY TNHH BÁCH ĐẠT VIỆT NAM LÀM CHỦ ĐẦU TƯ  
TẠI LÔ A17-C, A17-D, A17-E, KCN BECAMEX - BÌNH PHƯỚC,  
XÃ MINH THÀNH, HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số: 239 /QĐ-UBND ngày 29/01/2022  
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**1. Thông tin về Dự án:**

**1.1. Tên Dự án:** Nhà máy sản xuất vải không dệt quy mô 81.150 tấn/năm; sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon quy mô 50.000 tấn/năm; sản xuất, gia công hàng dệt may, gia công cắt, ép vải (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy) quy mô 69.120 tấn/năm.

**1.2. Địa điểm thực hiện:** Lô A17-C, A17-D, A17-E, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

**1.3. Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Bách Đạt Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Lô A29, đường số 5, Cụm công nghiệp phường Uyên Hưng, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

**1.4. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:**

- Dự án nhà máy sản xuất vải không dệt, sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon, sản xuất, gia công hàng dệt may, gia công cắt, ép vải (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy) được thực hiện trên diện tích 100.318,94 m<sup>2</sup> tại lô A17-C, A17-D, A17-E, KCN Becamex - Bình Phước, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, bao gồm các hạng mục:

+ Công trình chính: 08 nhà xưởng, tổng diện tích 63.000 m<sup>2</sup> (7.875 m<sup>2</sup>/xưởng).

+ Công trình bảo vệ môi trường: Bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, hệ thống xử lý nước thải sản xuất, hệ thống xử lý bụi và khí thải cho các chuyên sản xuất vải (chuyên sản xuất vải không dệt; chuyên sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon; chuyên ép dán vải), nhà chứa chất thải rắn sinh hoạt, nhà chứa phế liệu, nhà chứa chất thải nguy hại, bể nước phòng cháy chữa cháy.

+ Đường giao thông nội bộ, sân, cây xanh và các công trình phụ trợ khác.

- Công suất của dự án:

+ Sản xuất vải không dệt: 81.150 tấn/năm.

+ Sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon: 50.000 tấn/ năm.

+ Sản xuất, gia công hàng dệt may, gia công cắt, ép vải (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy): 69.120 tấn/năm.



### 1.5. Công nghệ sản xuất của Dự án:

#### - Quy trình sản xuất vải không dệt PP:

Nguyên liệu (Hạt nhựa nguyên sinh PP, hạt nhựa màu) → Nạp liệu → Phối trộn → Gia nhiệt → Lọc tạp chất → Phun tơ → Kéo tơ → Tạo sợi → Tạo lưới → Ép màng và tạo hoa văn → Cuộn, cắt → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

#### - Quy trình sản xuất vải không dệt xăm kim:

Nguyên liệu (Bông Polyester, bông Polypropylene) → Xé và trộn đều → Chải tạo màng → Xếp màng xơ, kéo giãn → Liên kết màng xơ bằng xuyên kim → Ép → Cuộn và cắt → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

#### - Quy trình sản xuất vải không dệt khâu bonder:

Nguyên liệu (Bông Polyester, bông Polypropylene) → Xé và trộn đều → Chải tạo màng → Xếp màng xơ, kéo giãn → Liên kết màng xơ bằng máy khâu → Lên keo cứng → Ép → Cuộn và cắt → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

#### - Quy trình sản xuất vải không dệt spunlace:

Nguyên liệu (Bông Viscose, Polyester) → Cân, mở bông → Trộn → Đánh tơi bông → Tạo vải → Sấy khô → Cuộn và cắt → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

#### - Quy trình sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon:

Nguyên liệu (Hạt nhựa nguyên sinh các loại, hạt nhựa màu) → Nạp liệu → Phối trộn → Gia nhiệt → Lọc tạp chất → Thổi màng → Làm nguội → Ép phẳng → Cuộn màng → In hoa văn → Cắt → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

#### - Quy trình sản xuất hàng dệt may (không có công đoạn nhuộm, giặt tẩy):

Nguyên liệu (Vải) → Cắt theo thiết kế → In/thêu (gia công bên ngoài) → May → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

#### - Quy trình gia công cắt, ép (dán) vải:

Nguyên liệu (vải, giấy chống dính) → Cuộn/đính lên trục tời → Kéo qua máng keo → Sấy khô → Ép vào vải → Cuốn cuộn, Cắt → Kiểm tra, đóng gói → Thành phẩm.

### 2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

#### 2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án và lắp đặt máy móc thiết bị: Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển, bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng và lắp đặt thiết bị, nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của máy móc thiết bị,...

- Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy; bụi và khí thải từ quá trình sản xuất; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải sản xuất; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn sản xuất; chất thải nguy hại,...



## 2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

### 2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Nước thải sinh hoạt*: Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 18 m<sup>3</sup>/ngày, chủ yếu chứa các thành phần gồm BOD<sub>5</sub>, COD<sub>5</sub>, TSS, tổng N, tổng P, amoni, dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliforms,...

- *Nước thải xây dựng*: Phát sinh khoảng 8 m<sup>3</sup>/ngày, bao gồm: nước thải rửa xe và nước thải từ quá trình thi công xây dựng, chủ yếu chứa bùn, đất cát, xi măng, dầu mỡ,...

### 2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 77,8 m<sup>3</sup>/ngày, bao gồm: nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải nhà ăn, thành phần có chứa các chất lơ lửng, chất hữu cơ, các chất cặn bã và vi sinh,...

- *Nước thải sản xuất*: Phát sinh khoảng 375 m<sup>3</sup>/ngày, bao gồm: nước thải từ quá trình sản xuất và nước thải từ rửa lọc hệ thống xử lý nước cấp tái sử dụng cho chuyền sản xuất vải spunlace. Nước thải sản xuất chủ yếu chứa nhiều cặn lơ lửng.

## 2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

### 2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng*: Chứa các thành phần ô nhiễm như: bụi, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải từ hoạt động xây dựng*: Chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO<sub>x</sub>, CO, VOC.

- *Bụi và khí thải từ hoạt động lắp đặt thiết bị*: Quá trình khoan, cắt, hàn phát sinh chủ yếu bụi, hơi kim loại.

### 2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy*: Thành phần khí thải gồm bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- *Bụi, khí thải từ quá trình sản xuất*: Chủ yếu phát sinh từ hoạt động của các công đoạn sản xuất vải không dệt PP, vải không dệt xăm kim, vải không dệt khâu bonder, vải không dệt spunlace; sản xuất bao bì từ plastic, màng nylon; sản xuất hàng dệt may (không tẩy nhuộm), gia công cắt, ép (dán) vải. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm bụi, các chất hữu cơ bay hơi,...



## **2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

### **2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh khoảng 390 tấn cho tổng quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là bao bì giấy, ni lông, sắt thép vụn, gỗ vụn ván khuôn hư...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công phát sinh 120- 200 kg/ngày, thành phần gồm: rau, vỏ hoa quả, giấy, vỏ đồ hộp,...

### **2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường*: Khối lượng phát sinh khoảng 13,6 tấn/năm, gồm: các loại phế phẩm nhựa, vãi phế phẩm các loại; chỉ vụn, vãi thừa, phế phẩm từ quy trình sản xuất hàng dệt may, cắt, ép dán vãi; giấy vụn, rìa thừa; bao bì thải,...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 530 kg/ngày, gồm: chất hữu cơ (rác thực phẩm), giấy, nylon, vỏ chai lọ, đồ hộp bằng nhựa hoặc kim loại,...

## **2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:**

### **2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 500 kg trong suốt quá trình thi công xây dựng, chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, bao bì đựng sơn, dầu mẫu que hàn, giấy nhám,...

### **2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 369,5 tấn/năm, gồm: các loại bóng đèn huỳnh quang thải, bao bì đựng hóa chất thải; can, chai, hộp đựng hóa chất thải; dầu tổng hợp thải; hóa chất tổng hợp thải, mực in thải, hộp mực in, keo thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, bộ lọc dầu, lọc nhớt đã qua sử dụng, pin thải, acquy thải, than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất.

## **3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:**

### **3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:**

#### **3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Sử dụng nhà vệ sinh di động, nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

- *Biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng*: Bố trí hố lắng thể tích 9m<sup>3</sup> để giữ lại các chất rắn trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau hố lắng được đầu nối vào hệ thống thu gom dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước để tiếp tục xử lý. Kết thúc quá trình xây dựng, hố lắng được san ủi, hoàn trả lại mặt bằng.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường*: Nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng phải được thu gom và xử lý theo quy định, không thải bỏ ra môi trường.



### 3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

#### - Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày với công nghệ xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải sinh hoạt khác (nhà ăn, bồn rửa) → Bể thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

#### - Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sản xuất:

Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 425 m<sup>3</sup>/ngày với công nghệ xử lý như sau: Nước thải sản xuất → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Bồn lọc than → Đầu nối về hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

#### - Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu vào của khu công nghiệp Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Becamex - Bình Phước.

### 3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

#### 3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

- *Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải trong giai đoạn triển khai xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:* Che chắn công trường xây dựng, có kế hoạch thi công thích hợp, các thiết bị máy móc được sử dụng đảm bảo kỹ thuật, được bảo dưỡng thường xuyên, hệ thống giao thông nội bộ được bê tông hóa; bố trí bãi đỗ xe hợp lý cho công nhân,...

- *Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Trang bị bảo hộ lao động gồm: mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân thực hiện các hoạt động cơ khí tại công trình, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

#### 3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ các phương tiện vận tải ra vào nhà máy:* Kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng xe định kỳ, bố trí bãi đậu xe hợp lý, trồng cây xanh trong khuôn viên nhà máy,...



- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các dây chuyền sản xuất:*  
Nhà xưởng xây dựng thông gió tự nhiên, thông gió bằng quạt hút và quạt đẩy; trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động; đầu tư dây chuyền sản xuất hiện đại, đồng bộ, tự động và khép kín, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng dây chuyền sản xuất để đạt hiệu suất tốt nhất, hạn chế phát sinh bụi, khí thải ra môi trường,... Tại các dây chuyền sản xuất, lắp đặt các hệ thống xử lý bụi, khí thải để giảm thiểu ô nhiễm, cụ thể như sau:

+ Lắp đặt 12 hệ thống xử lý hơi VOC cục bộ được tích hợp đi kèm đối với 12 chuyền sản xuất vải PP với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Quạt hút → Bộ lọc bằng than hoạt tính → Ống thải (đường kính 0,4 m, chiều cao 15m).

+ Lắp đặt 07 hệ thống lọc bụi cục bộ được tích hợp đi kèm đối với 07 chuyền sản xuất vải không dệt xam kim với quy trình xử lý như sau: Bụi → Quạt hút → Túi vải lọc bụi.

+ Lắp đặt 05 hệ thống lọc bụi cục bộ được tích hợp đi kèm đối với 05 chuyền sản xuất vải không dệt khâu bonder với quy trình xử lý như sau: Bụi → Quạt hút → Túi vải lọc bụi.

+ Lắp đặt 05 hệ thống lọc bụi cục bộ được tích hợp đi kèm đối với 05 chuyền sản xuất vải không dệt spunlace với quy trình xử lý như sau: Bụi → Ống dẫn bụi → Bộ lọc bụi → Quạt hút → Ống thải tole tráng kẽm (Dài x rộng = 1,2 m x 0,8 m, chiều cao 15m).

+ Lắp đặt 09 hệ thống xử lý khí thải cho các chuyền sản xuất túi nylon, màng plastic và công đoạn lên keo chuyền sản xuất vải khâu bonder với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Ống dẫn → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải (đường kính 0,8 - 0,9 m, chiều cao 15m).

+ Lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải cho 01 chuyền dán keo, ép vải với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Ống dẫn → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thải (đường kính 0,7 m, chiều cao 15m).

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:*

+ Môi trường không khí khu vực sản xuất đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

+ Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số  $k_p$  phù hợp,  $k_v = 1$ ); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và các quy định hiện hành.



### **3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:**

#### **3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- *Chất thải rắn xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn phát sinh, lưu chứa trong kho chứa chất thải rắn thông thường và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa rác có nắp đậy, dung tích 240 lít, sau đó, tập kết về khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

#### **3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Bố trí các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 10 - 240 lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh, tập kết về nhà kho chứa chất thải sinh hoạt diện tích 30 m<sup>2</sup>. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Thu gom toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường, phân loại các chất thải tại nhà kho chứa phế liệu diện tích 30 m<sup>2</sup>, nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích 30 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định pháp luật.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định của pháp luật hiện hành.

### **3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

#### **3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 5 m<sup>2</sup>, có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rón để thu gom chất thải nguy hại dạng lỏng,... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

#### **3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ tạm thời trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, đặt trong kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 30 m<sup>2</sup>, có mái che, vách bao quanh, có gờ, rãnh rón để thu gom chất





thải nguy hại dạng lỏng,... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo các quy định hiện hành.

### **3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:**

#### **3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ Dự án phải đạt Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường; không thi công vào các giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh; lắp đặt bộ phận giảm tiếng ồn cho những thiết bị máy móc có mức ồn cao; các thiết bị thi công phải có chân đế để hạn chế độ rung; trang bị các thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị của Dự án.

#### **3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:**

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn và độ rung:* Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt, đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật; lắp đặt các đệm cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, trang thiết bị; trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân,...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhiệt dư:* Lắp đặt các hệ thống hút và xử lý khí thải cho các chuyên sản xuất, tránh để nhiệt dư từ khí thải phát tán ra xưởng sản xuất; thiết kế nhà máy thông thoáng, bố trí hợp lý chiều cao nhà xưởng, lắp đặt trần mái cách nhiệt; trồng cây xanh trong khu vực nhà máy,...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - Giá trị tại nơi làm việc; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu tại nơi làm việc và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án. Trồng, chăm sóc, duy trì cây xanh trong khuôn viên nhà máy, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh đạt tối thiểu 20% tổng diện tích của Dự án.

### **3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:**

#### **3.6.1. Trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:**

Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.



### 3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

Áp dụng đầy đủ các biện pháp ứng phó, phòng ngừa sự cố môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống cháy nổ, ứng cứu sự cố, rủi ro và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Dự án. Trường hợp xảy ra sự cố ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe cộng đồng, Chủ Dự án phải chủ động tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố và khẩn trương báo cáo cho các cơ quan thẩm quyền để giải quyết sự cố theo quy định.

#### 4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa, nước thải.
- Bể tự hoại 03 ngăn (10 bể, tổng thể tích  $54 \text{ m}^3$ ).
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất  $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .
- Công trình, hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất  $425 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải cho chuyền sản xuất vải không dệt PP (số lượng: 12 hệ thống, công suất thiết kế:  $10.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$  mỗi hệ thống).
- Công trình, hệ thống lọc bụi cục bộ cho chuyền sản xuất vải không dệt xam kim (số lượng: 07 hệ thống, công suất thiết kế:  $24.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$  mỗi hệ thống).
- Công trình, hệ thống lọc bụi cục bộ cho chuyền sản xuất vải không dệt khâu bonder (số lượng: 05 hệ thống, công suất thiết kế:  $24.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$  mỗi hệ thống).
- Công trình, hệ thống lọc bụi cục bộ cho chuyền sản xuất vải không dệt spunlace (số lượng: 05 hệ thống, công suất thiết kế:  $56.660 \text{ m}^3/\text{giờ}$  mỗi hệ thống).
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải cho chuyền sản xuất màng plastic, túi nylon và công đoạn lên keo cứng của chuyền sản xuất vải không dệt khâu bonder (số lượng: 09 hệ thống, công suất thiết kế: 02 hệ thống  $35.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$  mỗi hệ thống; 06 hệ thống  $30.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$  mỗi hệ thống và 01 hệ thống  $25.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ).
- Công trình, hệ thống xử lý khí thải cho chuyền dán keo, ép vải (số lượng: 01 hệ thống, công suất thiết kế:  $20.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$ ).
- Nhà kho chứa chất thải sinh hoạt (số lượng 01 nhà, diện tích  $30 \text{ m}^2$ ).
- Nhà kho chứa phế liệu (số lượng 01 nhà, diện tích  $30 \text{ m}^2$ ).
- Nhà kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (số lượng 01 nhà, diện tích  $30 \text{ m}^2$ ).
- Nhà kho chứa chất thải nguy hại (số lượng 01 nhà, diện tích  $30 \text{ m}^2$ ).
- Thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố hóa chất.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

#### 5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

##### 5.1. Giai đoạn xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị:

##### 5.1.1. Giám sát môi trường không khí khu vực thi công xây dựng:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực xây dựng.



- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, NO<sub>2</sub>, SO<sub>2</sub>, CO.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc và các quy định hiện hành.

### **5.1.2. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại vị trí đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN Becamex - Bình Phước.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), tổng nitơ, tổng photpho, Amoni, Coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp).

### **5.1.3. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Theo các quy định hiện hành.

### **5.2. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:** Theo quy định hiện hành.

### **5.3. Giai đoạn vận hành thương mại:**

#### **5.3.1. Giám sát nước thải:**

- *Vị trí và thông số giám sát:*

+ 02 vị trí (đầu vào và đầu ra) tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS.

+ 02 vị trí (đầu vào và đầu ra) tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, tổng nitơ, Amoni, tổng P, dầu mỡ khoáng, Coliform.

+ 01 vị trí tại hố ga đầu nối: Lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, COD, TSS, Tổng nitơ, Smoni, tổng P, dầu mỡ khoáng, Coliform.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Becamex - Bình Phước (cột B, QCVN 40:2011/BTNMT).



### 5.3.2. Giám sát khí thải tại nguồn:

- *Vị trí và thông số giám sát:* 27 mẫu tại vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải của các chuyền sản xuất.

+ 12 vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải của các dây chuyền sản xuất vải không dệt PP: Lưu lượng, formaldehyde, acrolein, acetaldehyde.

+ 05 vị trí ống thải sau hệ thống lọc bụi cục bộ cho các chuyền sản xuất vải không dệt spunlace: Lưu lượng, bụi.

+ 03 vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải cho chuyền sản xuất màng plastic, túi nylon và chuyền lên keo cứng vải khâu bonder (xưởng 2, 3, 4): Lưu lượng, toluen, etylene oxit, propylenoxyt.

+ 06 vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải cho chuyền sản xuất màng plastic, túi nylon (xưởng 5): Lưu lượng, toluen, etylene oxit, propylenoxyt.

+ 01 vị trí ống thải sau hệ thống xử lý khí thải cho chuyền ép vải: Lưu lượng, styren, amoniac.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Tiêu chuẩn so sánh:* QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (căn cứ lưu lượng nguồn thải phát sinh để áp dụng hệ số  $k_p$  phù hợp,  $k_v=1$ ) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

### 5.3.3. Giám sát không khí khu vực sản xuất:

- *Vị trí giám sát và thông số giám sát:*

+ 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 2 (vị trí xé và trộn bông chuyền xam kim): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

+ 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 3 (vị trí sản xuất màng plastic và túi nylon): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, toluen, metan và etylen, etan.

+ 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 4 (vị trí lên keo chuyền khâu bonder): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, axit acetic.

+ 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 5 (vị trí ép dán vải): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, styren, amoniac.

+ 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 6 (vị trí đánh toir bông chuyền sản xuất vải không dệt spunlace): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

+ 01 vị trí tại khu vực nhà xưởng 8 (vị trí cân, mở bông chuyền sản xuất vải không dệt spunlace): Nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, tốc độ gió, bụi, CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho





phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động và các quy định hiện hành.

#### **5.3.4. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát:* Thành phần, khối lượng, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên.

- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

### **6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:**

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

**6.1.** Tuân thủ các quy định hiện hành về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**6.2.** Tuân thủ các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

**6.3.** Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**6.4.** Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho Dự án.

**6.5.** Thực hiện việc đăng ký, công bố chất lượng các loại sản phẩm của Dự án trước khi thương mại hóa theo các quy định của pháp luật hiện hành (nếu có).

**6.6.** Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**6.7.** Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

**6.8.** Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành./.